

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2019/DSST

Ngày: 25-11-2019

V/v: “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Dư

2/ Bà Võ Thị Diệu Thảo

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Triều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng C**

Địa chỉ trụ sở: 89 H, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Ngô Chí D ủy quyền cho ông Đỗ Thành T. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty quản lý tài sản Ngân hàng C kiêm Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ. (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Ông Đỗ Thành T ủy quyền cho ông: Nguyễn Trung T. Chức vụ: Chuyên viên tố tụng (Giấy ủy quyền 33402/2019/UQ-PGDK ngày 19 tháng 6 năm 2019). (Có mặt)

*** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân A**, sinh năm: 1993

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phúc Hải, phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2019, bản tự khai ngày 06/9/2019 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C là ông Nguyễn Trung Thành trình bày:

Ngân hàng C (Viết tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Xuân A có ký 03 hợp đồng tín dụng ngắn hạn, cụ thể theo thỏa thuận:

Hợp đồng tín dụng số LD1707400285 ký ngày 09/3/2017, giải ngân ngày 15/3/2017 với số tiền vay là 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng chia làm 12 kỳ trả nợ gốc và lãi, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay là 15%/năm theo phương thức tính lãi dư nợ gốc giảm dần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời gian chuyển nợ quá hạn là ngày 02/01/2018. Bà A đã thanh toán tổng số tiền 43.404.906 đồng, trong đó tiền gốc là 39.191.860 đồng và tiền lãi là 4.213.046 đồng, lần thanh toán cuối cùng vào ngày 31/5/2018. Như vậy tính đến phiên tòa hôm nay bà A còn nợ tiền gốc 10.808.104 đồng, tiền lãi là 4.185.528 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 14.993.668 đồng.

Hợp đồng tín dụng số LD707400566 ký ngày 08/6/2017 giải ngân ngày 13/6/2017 với số tiền vay là 25.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng chia làm 12 kỳ trả nợ gốc và lãi, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay là 15%/năm theo phương thức tính lãi dư nợ gốc giảm dần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời gian chuyển nợ quá hạn là ngày 02/01/2018. Bà Anh tiền gốc đã thanh toán tổng số tiền 13.884.505 đồng, trong đó tiền gốc là 12.504.000 đồng và tiền lãi là 1.380.505 đồng, lần thanh toán cuối cùng vào ngày 01/12/2017. Như vậy tính đến phiên tòa hôm nay bà A còn nợ tiền gốc 12.496.000 đồng, tiền lãi là 5.336.455 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 17.832.455 đồng.

Hợp đồng thẻ tín dụng mở ngày 28/10/2015 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, thời hạn sử dụng thẻ 05 năm, lãi suất thay đổi theo từng thời điểm, thời hạn cuối cùng phải thanh toán là ngày 20/12/2017, thời gian chuyển nợ quá hạn là ngày 06/3/2018. Theo thỏa thuận trong vòng 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán đúng hạn khoản thanh toán tối thiểu cho ngân hàng trước hoặc vào ngày đến hạn thì phần giá trị thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán thì bị tính phạt chậm trả và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, số dư nợ còn lại vẫn tính theo lãi suất trong hạn theo qui định của ngân hàng. Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà chủ thẻ không thanh toán đủ khoản thanh toán tối thiểu thì toàn bộ dư nợ chưa thanh toán phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Bà A còn nợ gốc 29.292.082 đồng và lãi 28.133.018 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 57.425.10 đồng.

Tất cả các hợp đồng trên được xác lập căn cứ vào Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số hợp đồng tín dụng là số phân luồng nội bộ theo quy định của ngân hàng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, bà A đã vi phạm nghĩa vụ thanh

toán theo các hợp đồng đã ký, ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, thông báo và tạo điều kiện cho bà A thanh toán nhưng bà anh cố tình né tránh.

Tại phiên tòa, Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Xuân A phải tất toán hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Cụ thể bà Nguyễn Thị Xuân A phải thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và lãi cho đến ngày xét xử (22/11/2019) là 90.251.223 đồng, trong đó tiền gốc: 52.596.222 đồng, nợ lãi là 37.655.001 đồng và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử cho đến khi bà A tất toán hết nợ.

Tại bản tự khai ngày 08/10/2019 và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị Xuân A trình bày:

Vào ngày 15/3/2017 tôi có vay số tiền là 50.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng bằng hình thức vay tín chấp, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngày 13/6/2017 tôi có vay số tiền là 25.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng bằng hình thức vay tín chấp, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngày 28/10/2015 tôi có nhận thẻ tín dụng với hạn mức là 30.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng bằng hình thức vay tín chấp, mục đích sử dụng tiêu dùng, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng. Khi vay thì không thể chấp tài sản gì cho ngân hàng.

Nay ngân hàng yêu cầu tôi thanh toán gốc và lãi một lần là 52.596.222 đồng, nợ lãi là 37.655.001 đồng và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng thì tôi đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị mỗi tháng 3.000.000 đồng trừ vào gốc trước và lãi sau kể từ tháng 12/2019 cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi kể từ ngày 22/11/2019 trở về sau.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa các đương sự tuân thủ đúng qui định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Nguyễn Thị Xuân A phải trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Bà Nguyễn Thị Xuân A phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Xuân A trả nợ do vi phạm hợp đồng tín dụng. Yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo qui định tại

khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân A trả vốn gốc và lãi còn nợ là 90.251.223 đồng, trong đó tiền gốc: 52.596.222 đồng, nợ lãi là 37.655.001 và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử cho đến khi bà Anh tất toán hết nợ. Bị đơn đồng ý trả số tổng số tiền gốc và lãi còn lại tính đến ngày 22/11/2019 cho nguyên đơn là 90.251.223 đồng và đề nghị trả mỗi tháng 3.000.000 đồng trừ vào gốc trước và lãi sau kể từ tháng 12/2019 cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi kể từ ngày 22/11/2019 trở về sau nhưng không được đại diện nguyên đơn đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy Ngân hàng và bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân A có ký kết 02 hợp đồng tín dụng và 01 hợp đồng thế tín dụng (*Hợp đồng bao gồm: Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*) là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, bị đơn thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại là 90.251.223 đồng (trong đó gốc là 52.596.222 đồng, nợ lãi là 37.655.001 đồng) và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng kể từ ngày 23/11/2019 cho đến khi trả hết gốc và lãi.

Xét, việc vi phạm hợp đồng đã kéo dài một thời gian làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn, trong khi bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân A không thực hiện đúng như cam kết theo hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân A phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng C số tiền còn lại là 90.251.223 đồng (trong đó gốc là 52.596.222 đồng, tiền lãi là 37.655.001 đồng) và lãi tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng kể từ ngày 23/11/2019 cho đến khi trả hết gốc và lãi là có căn cứ, phù hợp khoản 4 Điều 13 Thông tư số 36/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam; Điều 7, Điều 8 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân A phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

$$90.251.223 \text{ đồng} \times 5\% = 4.512.561 \text{ đồng.}$$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227,

Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C.

1/ Buộc Bà Nguyễn Thị Xuân A phải trả cho Ngân hàng C toàn bộ số tiền gốc và lãi là 90.251.223 đồng (trong đó tiền gốc: 52.596.222 đồng, tiền lãi 37.655.001 đồng)

Kể từ ngày 23/11/2019, bà Nguyễn Thị Xuân A còn phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Ngân hàng.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân A phải nộp 4.512.561 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng C 1.915.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0000452 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng C, bà Nguyễn Thị Xuân A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Huy